

Bản án số: 08/2019/HS-PT

Ngày 21-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bình

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Minh Thịnh

Ông Nguyễn Viết Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiếu-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 21 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 92/2018/TLPT-HS ngày 04 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Lê Thị X và đồng phạm.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2018/HSST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lê Thị X**, sinh năm 1969 tại Quảng Ngãi; HKTT: Thôn H P, xã B T, huyện P R, tỉnh B Ph; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông Lê Duy Qua – Đã chết và bà Trần Duy T, sinh năm 1941; có chồng là Nguyễn Xuân H, sinh năm 1962 và có 03 người con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2017 đến ngày 08/12/2017 được tại ngoại cho đến nay, “có mặt”.

2. Họ và tên: **Đỗ Trọng P**, sinh năm 1951 tại Thanh Hóa; HKTT: Thôn P A, xã B T, huyện PR, tỉnh BP; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Đỗ Trọng Nam – Đã chết và bà Trần Thị Ph – Đã chết; có vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1954 và có 02 người con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1991; Tiền án,

tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2017 đến ngày 08/12/2017 được tại ngoại cho đến nay, “có mặt”.

3. Họ và tên: **Võ Thị T**, sinh năm 1974 tại Quảng Trị; HKTT: Thôn P A, xã B T, huyện PR, tỉnh BP; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Võ Văn Hoa – Đã chết và bà Đỗ Thị D – Đã chết; có chồng là Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1972 và có 02 người con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2017 đến ngày 21/10/2017 được tại ngoại cho đến nay, “có mặt”.

4. Họ và tên: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1971 tại Thanh Hóa; HKTT: Thôn P A, xã B T, huyện PR, tỉnh BP; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông Nguyễn Văn L – Đã chết và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1955; có chồng là Đào Văn H, sinh năm 1969 và có 03 người con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2017 đến ngày 11/12/2017 được tại ngoại cho đến nay, “có mặt”.

5. Họ và tên: **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1990 tại Bình Phước; HKTT: Thôn P A, xã B T, huyện PR, tỉnh BP; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1970; có chồng là Nguyễn Hữu H, sinh năm 1984 (Đã ly hôn) và có 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại cho đến nay, “có mặt”.

6. Họ và tên: **Bùi Thị K**, sinh năm 1954 tại Thanh Hóa; HKTT: Thôn P A, xã B T, huyện PR, tỉnh BP; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không; Con ông Bùi Văn L – Đã chết và bà Đỗ Thị M – Đã chết; có chồng không xác định và có 02 người con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại cho đến nay, “có mặt”.

7. Họ và tên: **Lê Thị T**, sinh năm 1966 tại Quảng Trị; HKTT: Thôn P A, xã B T, huyện PR, tỉnh BP; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Lê Tồn – Đã chết và bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1925; có chồng là Võ Minh L, sinh năm 1961 và có 03 người con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2017 đến ngày 11/12/2017 được tại ngoại cho đến nay, “có mặt”.

8. Họ và tên: **Bùi Thị L (tên gọi khác: D)**, sinh năm 1987 tại Thanh Hóa; HKTT: Thôn P A, xã B T, huyện PR, tỉnh BP; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Con bà Bùi Thị K, sinh năm 1954; có chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 và có 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2017 đến ngày 12/12/2017 được tại ngoại cho đến nay, “có mặt”.

9. Họ và tên: **Đinh Thị T**, sinh năm 1970 tại Quảng Bình; HKTT: Thôn P A, xã B T, huyện PR, tỉnh BP; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc:

Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Đinh Gia Ph – Đã chết và bà Phan Thị Q, sinh năm 1948; có chồng là Nguyễn Văn Hà, sinh năm 1962 và có 03 người con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2017 đến ngày 12/12/2017 được tại ngoại cho đến nay, “có mặt”.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lê Thị X và Lê Thị T:* Ông **Chu Văn T** - Luật sư Văn Phòng luật sư Vinh & Tình thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước “có mặt”.

- Ngoài ra, còn có 01 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 20 phút ngày 24/7/2017, Lê Thị T đến Công an xã Bình Tân trình báo về việc từ ngày 12/7/2017 đến ngày 24/7/2017, T đã tham gia mua số đề của Nguyễn Thị T và thua tổng số tiền là khoảng 100.000.000 đồng. Đến 15 giờ cùng ngày, Nguyễn Thị T đến Công an xã Bình Tân đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm.

Quá trình điều tra, xác định Nguyễn Thị T đã tham gia đánh bạc dưới hình thức mua bán số đề cá cược thắng thua bằng tiền với Lê Thị T, Võ Thị T, Bùi Thị K, Nguyễn Thị L, Bùi Thị L, Nguyễn Thị Mỹ L, Đỗ Trọng P và Võ Thị S. Sau đó, T chuyển các số đề mà các con bạc đã mua của T bán lại cho Lê Thị X và Võ Thị Duông, sinh năm: 1963; trú tại: thôn Phước An, xã Bình Tân, huyện Phú Riềng, Bình Phước nhằm thu lợi bất chính.

Hình thức đánh bạc mua bán số đề cá cược thắng thua bằng tiền là việc các bị can thỏa thuận lấy K quả mở thưởng trong ngày của một Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết để xác định thắng thua bằng tiền và việc bao lô một số với 01 điểm (tức là bao lô 02 số cuối của 18 lô trong dãy K quả xổ số) thì L, L, T, L, K, P, T và T mua của T với số tiền là 01 điểm tương đương 15.000 đồng, sau đó T chuyển lại cho X là 01 điểm tương đương 14.000 đồng và T được hưởng chênh lệch là 1.000 đồng trên 01 điểm. Khi đối chiếu với K quả mở thưởng trong ngày, nếu người nào trúng một lô với số điểm đã mua thì thắng được số tiền là (số điểm đã mua) x 70.000 đồng, nếu không trúng thì thua số tiền đã mua. Cụ thể từ ngày 12/7/2017 đến ngày 24/7/2017, T và các con bạc tham gia đánh bạc như sau:

Ngày 12/7/2017, xác định T đã sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền 123.950.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền 17.300.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền 17.300.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền 9.250.000 đồng; K sử

dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền 34.750.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền 17.300.000 đồng; P sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền 28.050.000 đồng.

Ngày 13/7/2017, xác định T đã sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền 40.990.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền 1.050.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền 3.900.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền 15.000.000 đồng; K sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền 4.500.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền 1.840.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền 3.000.000 đồng và P sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền 10.200.000 đồng.

Ngày 14/7/2017, xác định T đã sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 52.700.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 3.000.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 7.500.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 22.500.000 đồng; K sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 4.500.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 4.500.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 3.000.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 3.000.000 đồng và P sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 4.700.000 đồng.

Ngày 15/7/2017, xác định T đã sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 68.040.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 3.750.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 9.750.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 27.000.000 đồng; K sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 6.340.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 6.000.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 4.500.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 6.000.000 đồng và P sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 4.700.000 đồng.

Ngày 16/7/2017, xác định T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 74.450.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 4.500.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 9.000.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 10.500.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 27.000.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 6.000.000 đồng; K sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 6.750.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 6.000.000 đồng; và P sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 4.700.000 đồng.

Ngày 17/7/2017, xác định T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 90.950.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 6.750.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 12.000.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 30.000.000 đồng; K sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 9.000.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 7.500.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 7.500.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 10.500.000 đồng và P sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 7.700.000 đồng. Ngày 18/7/2017, xác định T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 103.600.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 8.250.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 13.500.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 33.000.000 đồng; K sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 12.000.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 8.250.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 9.000.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 12.000.000 đồng và P sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 7.600.000 đồng. Ngày 19/7/2017, xác định T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 132.900.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 9.750.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 19.500.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 37.500.000 đồng; K sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 15.000.000 đồng; L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 10.500.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 12.000.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 18.000.000 đồng và P sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 10.650.000 đồng.

dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 9.750.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 12.000.000 đồng và P sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 10.600.000 đồng.

Ngày 22/7/2017, xác định T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 130.675.000 đồng, L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 11.750.000 đồng, L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 25.250.000 đồng, T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 29.000.000 đồng, K sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 15.175.000 đồng, L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 10.050.000 đồng, T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 17.100.000 đồng, T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 11.750.000 đồng và P sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 10.600.000 đồng.

Ngày 23/7/2017, xác định X sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 109.200.000 đồng, T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 221.925.000 đồng; L sử dụng số T vào mục đích đánh bạc là 17.750.000 đồng, L sử dụng số tiền vào mục đích đánh bạc là 19.250.000 đồng, T sử dụng số tiền vào mục đích đánh bạc là 46.250.000 đồng, K sử dụng số tiền vào mục đích đánh bạc là 18.275.000 đồng, L sử dụng số tiền vào mục đích đánh bạc là 18.200.000 đồng, T sử dụng số tiền vào mục đích đánh bạc là 17.000.000 đồng và P sử dụng số tiền vào mục đích đánh bạc là 85.200.000 đồng.

Ngày 24/7/2017, T sử dụng vào mục đích đánh bạc số tiền là 10.100.000 đồng, L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 750.000 đồng, L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 1.500.000 đồng, T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 2.250.000 đồng, L sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 900.000 đồng, K sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 900.000 đồng; T sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 1.500.000 đồng và P sử dụng vào mục đích đánh bạc với số tiền là 1.550.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- Số tiền 444.195.000đ (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm chín mươi lăm ngàn đồng);

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A39, màu trắng, có gắn 02 sim điện thoại có số thuê bao 0933.973.450 và 01666.462.500;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 Prime, màu hồng, có gắn 02 sim điện thoại có số thuê bao 0975.747.309 và 01664.451.650;

- 01 điện thoại di động hiệu Qmobile, màu đen, V14, C350, màu vàng đồng, có gắn 01 sim điện thoại có số thuê bao 01677.382.394;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 301, màu đen, có gắn 01 sim điện thoại có số thuê bao 01628.549.625;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1172, có gắn 01 sim điện thoại có số thuê bao 0973.158.355;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 220, màu trắng đen, có gắn 01 sim điện thoại có số thuê bao 0984.659.792;

- 01 phong bì thư bằng giấy màu trắng xanh, đã niêm phong, có chữ ký của Võ Thị Duông, Nguyễn Văn Giáp và mộc đỏ của Công an xã Bình Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước;

- 02 phong bì thư màu trắng, đã niêm phong, có chữ ký của Nguyễn Anh Hùng, Nguyễn Thanh X, Lê Thị X, Lê Văn Mạnh.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 61/2018/HSST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị X, Đỗ Trọng P, Võ Thị T, Lê Thị T, Bùi Thị K, Bùi Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Mỹ L, Đinh Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015; các điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị X** 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 24/7/2017 đến ngày 08/12/2017.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015; Điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Trọng P** 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 08/9/2017 đến ngày 08/12/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Võ Thị T** 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 24/7/2017 đến ngày 21/10/2017

Xử phạt bị cáo **Bùi Thị K** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Bùi Thị L** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 08/9/2017 đến ngày 12/12/2017

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 08/9/2017 đến ngày 11/12/2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ L** 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Đinh Thị T** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 08/9/2017 đến ngày 12/12/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm h, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị T** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 08/9/2017 đến ngày 11/12/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/8/2018, Bị cáo Bùi Thị L có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/8/2018, các bị cáo Bùi Thị K, Lê Thị T, Đỗ Trọng P, Lê Thị X, Võ Thị T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 30/8/2018, Bị cáo Đinh Thị T có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 30/8/2018, Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 30/8/2018, Bị cáo Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo như đơn kháng cáo đã nêu.

Bị cáo Lê Thị X, Lê Thị T bổ sung yêu cầu kháng cáo với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt bằng với thời hạn tạm giam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên không chấp nhận kháng cáo, giữ y án sơ thẩm đối với các bị cáo **Đỗ Trọng P**, **Võ Thị T**, **Bùi Thị K**, **Bùi Thị L**, **Nguyễn Thị L**, **Nguyễn Thị Mỹ L**, **Đinh Thị T**.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015; Điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Trọng P** 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 08/9/2017 đến ngày 08/12/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Võ Thị T** 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 24/7/2017 đến ngày 21/10/2017

Xử phạt bị cáo **Bùi Thị K** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Bùi Thị L** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 08/9/2017 đến ngày 12/12/2017

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 08/9/2017 đến ngày 11/12/2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ L** 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Đinh Thị T** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 08/9/2017 đến ngày 12/12/2017.

Đối với bị cáo **Lê Thị T** còn có tình tiết giảm nhẹ là tự thú khi cơ quan chức năng chưa phát hiện sự việc phạm tội theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS mà cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng cho bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng giảm nhẹ cho bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo **Lê Thị T**.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm h, s, x và điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị T** 03 (ba) tháng 03 (ba) ngày tù. Bằng thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 08/9/2017 đến ngày 11/12/2017.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm đối với bị cáo Lê Thị X.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015; các điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 50; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị X** 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng.

Người bào chữa cho các bị cáo Lê Thị X, Lê Thị T phát biểu: Đồng ý về phần tội danh, điều khoản truy tố và các tình tiết giảm nhẹ, mức án của đại diện Viện kiểm sát đưa ra đối với các bị cáo X, T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Lê Thị X, Lê Thị T. Xử phạt bị cáo Lê Thị T 03 (ba) tháng 03 (ba) ngày tù, bằng thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 08/9/2017 đến ngày 11/12/2017. Xử phạt bị cáo Lê Thị X 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Thị X, Đỗ Trọng P, Võ Thị T, Lê Thị T, Bùi Thị K, Bùi Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Mỹ L, Đinh Thị T đã thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định. Xét lời nhận tội của các bị cáo là thống nhất với nhau; phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với tất cả các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án như: Biên bản phạm tội quả tang, các tài liệu là các phôi đề, sổ sách ghi chép, vật chứng của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để K luận: Các bị cáo Võ Thị T, Bùi Thị L, Bùi Thị K, Đỗ Trọng P, Nguyễn Thị L, Đinh Thị T, Nguyễn Thị Mỹ L, Lê Thị T là công nhân chẻ hạt điều với nhau và có quen biết với Nguyễn Thị T hành nghề bán vé xổ số và có ghi sổ đề để bán lại cho người khác nhằm hưởng tiền chênh lệch. Các bị cáo T, L,

K, P, L, T, L, T đã mua số đề do bị cáo T bán. Các bị cáo quy ước mỗi điểm là 15.000 đồng và lấy K quả xổ số của các tỉnh, T mở hàng ngày để xác định thắng thua, nếu người mua trúng thì 01 điểm thắng số tiền là 70.000 đồng, nếu không trúng thì thua số tiền đã bỏ ra mua các con số. Sau khi có K quả xổ số, bị cáo T đối chiếu và tính toán số tiền thắng thua với các bị cáo đã mua đề và ghi sổ sách để theo dõi. K quả tính từ ngày 12/7/2017 đến ngày 24/7/2017, các bị cáo Võ Thị T, Bùi Thị L, Bùi Thị K, Đỗ Trọng P, Nguyễn Thị L, Đinh Thị T, Nguyễn Thị Mỹ L, Lê Thị T có mua số đề của bị cáo T. Cụ thể:

Võ Thị T đã sử dụng từ 2.250.000 đồng đến 46.250.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Trong đó, có 12 lần đánh bạc với số tiền trên 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 356.950.000 đồng. Tính đến ngày 24/7/2017, T còn nợ T số tiền 280.750.000 đồng.

Nguyễn Thị L đã sử dụng từ 750.000 đồng đến 17.750.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Trong đó có 08 lần đánh bạc với số tiền trên 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 93.300.000 đồng. Tính đến ngày 24/7/2017, L còn nợ T số tiền 50.400.000 đồng

Nguyễn Thị Mỹ L đã sử dụng 1.500.000 đồng đến 25.250.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Trong đó có 11 lần đánh bạc với số tiền trên 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 179.300.000 đồng. Tính đến ngày 24/7/2017, L còn nợ T số tiền 123.250.000 đồng

Bùi Thị L đã sử dụng 900.000 đồng đến 18.200.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Trong đó có 11 lần đánh bạc với số tiền trên 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 103.150.000 đồng. Tính đến ngày 24/7/2017, L còn nợ T số tiền 52.930.000 đồng.

Bùi Thị K đã sử dụng 900.000 đồng đến 34.750.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Trong đó có 10 lần đánh bạc với số tiền trên 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 144.290.000 đồng. Tính đến ngày 24/7/2017, K còn nợ T số tiền 72.955.000 đồng.

Đỗ Trọng P đã sử dụng 1.550.000 đồng đến 85.200.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Trong đó có 09 lần đánh bạc với số tiền trên 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 182.900.000 đồng. Tính đến ngày 24/7/2017, P còn nợ T số tiền 13.270.000 đồng

Đinh Thị T đã sử dụng 750.000 đồng đến 17.100.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Trong đó có 08 lần đánh bạc với số tiền trên 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 98.600.000 đồng. Tính đến ngày 24/7/2017, T còn nợ T số tiền 74.950.000 đồng.

Lê Thị T đã sử dụng 1.500.000 đồng đến 18.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Trong đó có 7 lần đánh bạc với số tiền trên 5.000.000 đồng.

Tổng cộng là 79.250.000 đồng. Tính đến ngày 24/7/2017, T còn nợ T số tiền 79.750.000 đồng.

Sau khi ghi đề bị cáo T bán lại cho người khác để hưởng chênh lệch 1000đ/điểm. Bị cáo đã bán cho bị cáo Lê Thị X 1300 điểm tính T tiền là 18.200.000 đồng. Qua K quả xổ số xác định số tiền X dùng đánh bạc 01 lần là 109.200.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Đánh Bạc” theo Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ. Theo quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định số tiền dùng vào việc đánh bạc từ 5.000.000 đồng trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc. Những hành vi đánh bạc dưới 5.000.000 đồng không phải chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, các bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những lần đánh bạc từ 5.000.000 đồng trở lên. Đây là các quy định có lợi cần được áp dụng cho các bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do các bị cáo Lê Thị X, Đỗ Trọng P sử dụng số tiền đánh bạc có lần từ 50.000.000 đồng trở lên nên Tòa án cấp sơ thẩm chuyển sang khung hình phạt nặng hơn theo khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng pháp luật. Xét xử các bị cáo Võ Thị T, Lê Thị T, Bùi Thị K, Bùi Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Mỹ L, Đinh Thị T tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng pháp luật.

[2]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an ninh, trật tự công cộng, trị an, ngoài ra còn gây mất trật tự nếp sống văn minh tại địa phương. Các bị cáo là người trưởng T, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là hành vi vi phạm pháp luật nhưng với mong muốn có tiền một cách nhanh chóng mà không phải lao động để thỏa mãn tiêu xài cá nhân nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng tội phạm.

[3]. Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Lê Thị X, Đỗ Trọng P, Võ Thị T, Nguyễn Thị Mỹ L, Bùi Thị K, Lê Thị T, Bùi Thị L, Đinh Thị T, Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong vụ án này các bị cáo chủ yếu là phụ nữ, những người lao động làm thuê có thu nhập không ổn định, có gia đình hoàn cảnh khó khăn nên trình độ văn hóa hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Các bị cáo đều là những người quen biết nhau do sống cùng địa phương và bị bị cáo T rủ rê,

dụ dỗ. Hành vi đánh bạc mới dừng lại ở việc ghi chép sổ sách, chưa thanh toán tiền với nhau thì bị phát hiện nên hành vi phạm tội gây hậu quả không lớn. Vì vậy, cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo Đỗ Trọng P, Võ Thị T, Lê Thị T, Bùi Thị K, Bùi Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Mỹ L, Đinh Thị T đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Riêng bị cáo Lê Thị X không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này.

Riêng đối với các bị cáo Bùi Thị K, Nguyễn Thị Mỹ L là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; gia đình các bị cáo có hoàn cảnh điều kiện kinh tế khó khăn. Bị cáo K là người lớn tuổi, lại thường xuyên bị bệnh, không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo L phải nuôi con còn nhỏ và hiện đang mang thai, có chồng nhưng đã ly hôn. Đồng thời ngoài lần phạm tội này các bị cáo K, L luôn chấp hành tốt các chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước, chưa lần nào bị xử lý hành chính, có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu các quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội Đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì xét bị cáo có đủ điều kiện để hưởng án treo, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định một thời gian thử thách nhất định, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú của các bị cáo giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, cho các bị cáo một cơ hội để tự cải tạo trở T công dân có ích cho xã hội là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Các bị cáo Lê Thị T, Lê Thị X là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; gia đình các bị cáo có hoàn cảnh điều kiện kinh tế khó khăn. Bị cáo X tại phiên tòa xuất trình thêm tình tiết mới tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là lao động chính trong gia đình phải nuôi mẹ già, bản thân bị cáo bị tật bẩm sinh một mắt trái không nhìn thấy. Gia đình bị cáo T có công với cách mạng; bị cáo T là người được Cơ quan nhà nước tặng nhiều bằng khen, giấy khen đã có T tích xuất sắc trong công tác, học tập. Bị cáo T còn là người ra tự thú khi cơ quan chức năng chưa phát hiện sự việc phạm tội theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS mà cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng cho bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo xuất trình thêm tình tiết mới tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình có chồng là ông Võ Minh Luyện bị bệnh tim và mất sức lao động và nuôi con nhỏ đi học. Các bị cáo đã có thời hạn tạm giam nên chỉ cần

xử các bị cáo mức hình phạt bằng với thời hạn tạm giam cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo trở T người có ích cho xã hội.

Các bị cáo Đỗ Trọng P, Võ Thị T, Bùi Thị L, Đinh Thị T, Nguyễn Thị L tất cả các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; gia đình các bị cáo có hoàn cảnh điều kiện kinh tế khó khăn. Ngoài ra, bị cáo P là người tuổi đã cao; bị cáo L con còn nhỏ. Đây là căn cứ để giảm một phần hình phạt theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Hơn nữa, các bị cáo đã có thời hạn tạm giam nên chỉ cần xử các các bị cáo mức hình phạt bằng với thời hạn tạm giam; riêng bị cáo T xử phạt mức án khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo trở T người có ích cho xã hội.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa án sơ thẩm.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là phù hợp một phần với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo Lê Thị X, Lê Thị T là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Án phí hình sự phúc thẩm, do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu.

[8]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015,

Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Bùi Thị K, Nguyễn Thị Mỹ L.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Thị X, Đỗ Trọng P, Võ Thị T, Lê Thị T, Bùi Thị L, Đinh Thị T, Nguyễn Thị L;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2018/HSST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Tuyên bố các bị cáo **Lê Thị X, Đỗ Trọng P, Võ Thị T, Lê Thị T, Bùi Thị K, Bùi Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Mỹ L, Đinh Thị T** phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều

17 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Bùi Thị K 06** (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (21/01/2019). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Bình Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ L 07** (Bảy) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (21/01/2019). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Bình Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015; các điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị X 04** (bốn) tháng 14 (mười bốn) ngày tù, bằng với thời hạn tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 24/7/2017 đến ngày 08/12/2017.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015; Điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Trọng P 03** (ba) tháng tù, bằng với thời hạn tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 08/9/2017 đến ngày 08/12/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Võ Thị T 03** tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 24/7/2017 đến ngày 21/10/2017.

Xử phạt bị cáo **Bùi Thị L 03** (ba) tháng 04 (bốn) ngày tù, bằng với thời hạn tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 08/9/2017 đến ngày 12/12/2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L** 03 (ba) tháng 03 (ba) ngày tù, bằng với thời hạn tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 08/9/2017 đến ngày 11/12/2017.

Xử phạt bị cáo **Đinh Thị T** 03 (ba) tháng 04 (bốn) ngày tù, bằng với thời hạn tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 08/9/2017 đến ngày 12/12/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm h, s, x và r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị T** 03 (ba) tháng 03 (ba) ngày tù, bằng với thời hạn tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 08/9/2017 đến ngày 11/12/2017.

Án phí hình sự phúc thẩm, các bị cáo Lê Thị X, Đỗ Trọng P, Võ Thị T, Lê Thị T, Bùi Thị K, Bùi Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Mỹ L, Đinh Thị T không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- PV 06 Công an tỉnh;
- TAND, VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- Công an huyện Phú Riềng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao;
- UBND xã Bình Tân, huyện Phú Riềng;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Bình (đã ký)

